

Số: **A2** /QĐ-CDDLH

Thành phố Huế, ngày **03** tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công nhận tốt nghiệp**  
**đối với sinh viên trình độ Cao đẳng khóa XV và khóa XIV**  
**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG DU LỊCH HUẾ**

Căn cứ Quyết định số 1876/QĐ-BLĐT BXH ngày 31/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thành lập trường Cao đẳng nghề Du lịch Huế, nay là Trường Cao đẳng Du lịch Huế theo Quyết định số 328/QĐ-BLĐT BXH ngày 14/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng nghề Du lịch Huế thành Trường Cao đẳng Du lịch Huế;

Căn cứ Quyết định số 3485/QĐ-BVHTTDL ngày 19/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Du lịch Huế;

Căn cứ Quyết định số 862/QĐ-CDDLH ngày 13/8/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Du lịch Huế về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-CDDLH ngày 17/10/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Du lịch Huế về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế;

Căn cứ Biên bản số 06/BB-HĐTTN ngày 08/01/2025 của Hội đồng thi tốt nghiệp trường Cao đẳng Du lịch Huế về việc họp xét công nhận tốt nghiệp ra trường đối với các lớp Cao đẳng khóa XV, XIV và xét điều kiện thi tốt nghiệp đối với các lớp Trung cấp khóa XXIV, XXIII;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đối với 104 sinh viên trình độ Cao đẳng khóa XV và khóa XIV (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Ban thư ký Hội đồng thi tốt nghiệp của trường Cao đẳng Du lịch Huế có nhiệm vụ công bố điểm thi và hoàn thành thủ tục công nhận tốt nghiệp theo đúng quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trường phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Trường phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng giáo dục và Công tác học sinh, sinh viên; Trường các phòng, khoa, trung tâm và các học sinh, sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *N*

**Nơi nhận:**

- Tổng cục GDNN (Bộ LĐTBXH);
- Vụ Đào tạo (Bộ VHTTDL);
- Sở LĐTBXH tỉnh TT. Huế; *(b/c)*
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, DTQLKHHHTQT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG DU LỊCH HUẾ**  
*Phạm Bá Hùng*  
**Phạm Bá Hùng**



**ĐIỂM SỐ THI SINH VIÊN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG KHÓA XV VÀ KHÓA XIV  
ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ TỐT NGHIỆP**

(Kèm theo Quyết định số **12**/QĐ-CDDLH ngày **09** tháng 01 năm 2025 của Trường Cao đẳng Du lịch Huế)

TT	STT	Mã HSSV	Họ và họ đệm	Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	TBCKT	Xếp loại rèn luyện TK	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp	
										Chính trị	LTTH	THNN	TB XLTN	Xếp loại TN
<b>A. Cao đẳng khóa XIV (03 sinh viên: 03 Khá)</b>														
1	1	2132070052	Trương Văn	Cường	C14CB1	Nam	01/12/2003	6.9	Khá	7.9	7.3	7.5	7.2	KHÁ
2	2	2132070059	Dương Văn	Quân	C14CB1	Nam	26/02/2003	7.1	Khá	8.1	6.8	7.6	7.2	KHÁ
3	3	2132070006	Võ Xuân	Bách	C14CB2	Nam	16/06/2001	7.2	Khá	6.8	6.7	7.5	7.2	KHÁ
<b>B. Cao đẳng khóa XV (101 sinh viên: 48 Giỏi, 53 Khá)</b>														
<b>I. Khoa QTCBMA (47 sinh viên: 13 Giỏi, 34 Khá)</b>														
4	1	2232070217	Phan Ngọc Thanh	An	C15CB1	Nữ	24/12/2004	8.1	Tốt		7.7	7.9	8	
5	2	2232070273	Đặng Thị Minh	Châu	C15CB1	Nữ	18/03/2004	7.9	Tốt		8.4	7.8	8	
6	3	2232070246	Đỗ Văn	Chính	C15CB1	Nam	16/01/2004	8.2	Xuất sắc		8.5	8.3	8.3	
7	4	2232070224	Võ Văn	Dũng	C15CB1	Nam	23/09/2004	7.7	Tốt		6.7	7.8	7.6	KHÁ
8	5	2232070270	Trương Đức	Dương	C15CB1	Nam	16/02/2004	7.4	Khá		6.7	8	7.5	KHÁ
9	6	2232070309	Lê Thị Mỹ	Hạ	C15CB1	Nữ	24/04/2004	7.7	Tốt		7.7	7.8	7.7	KHÁ
10	7	2232070200	Nguyễn Văn	Hoàn	C15CB1	Nam	24/06/2004	8.2	Tốt		7.6	8	8	GIỎI
11	8	2232070307	Hà Công	Hoàng	C15CB1	Nam	31/12/2004	7.5	Khá		6.4	7.9	7.5	KHÁ
12	9	2232070196	Nguyễn Văn	Hương	C15CB1	Nam	11/11/2003	7.5	Tốt		6.9	7.5	7.4	KHÁ
13	10	2232070250	Nguyễn Đức	Huy	C15CB1	Nam	17/10/2004	7.3	Khá		6.7	7.5	7.3	KHÁ
14	11	2232070239	Đỗ Văn Hoàng	Huỳnh	C15CB1	Nam	29/12/2004	7.6	Khá		6.5	8.1	7.6	KHÁ
15	12	2232070197	Đào Thị Mỹ	Linh	C15CB1	Nữ	19/10/2003	8.3	Tốt		7.9	8.2	8.2	GIỎI
16	13	2232070211	Hồ Quang	Nhật	C15CB1	Nam	25/01/2004	7.6	Tốt		6.8	7.6	7.5	KHÁ
17	14	2232070271	Ngô Đức	Phú	C15CB1	Nam	12/02/2002	7.5	Khá		6.7	7.8	7.5	KHÁ



TT	STT	Mã HSSV	Họ và họ đệm	Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	TBCTK	Xếp loại rèn luyện TK	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp	
										Chính trị	LTTT	THNN	TB XLTN	Xếp loại TN
18	15	2232070257	Nguyễn Thị Kim	Phụng	C15CB1	Nữ	13/09/2004	8.1	Tốt		7.6	8.2	8.1	GIỎI
19	16	2232070233	Nguyễn Công	Quang	C15CB1	Nam	19/08/2004	7.1	Khá		6.3	7.8	7.2	KHÁ
20	17	2232070205	Phan Thị Lệ	Quyên	C15CB1	Nữ	30/05/2003	8.4	Tốt		8.7	8.3	8.4	GIỎI
21	18	2232070290	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	C15CB1	Nữ	15/09/2004	7.2	Khá		5.8	8.5	7.4	KHÁ
22	19	2232070238	Trần Văn	Thắng	C15CB1	Nam	08/06/2004	7.6	Khá		5.9	8.6	7.7	KHÁ
23	20	2232070215	Phan Minh	Thịnh	C15CB1	Nam	12/11/2004	7.5	Khá		5.9	8.2	7.5	KHÁ
24	21	2232070247	Huỳnh Văn	Thông	C15CB1	Nam	17/05/2003	7.4	Tốt		5.8	8.1	7.4	KHÁ
25	22	2232070288	Hoàng Trọng	Tri	C15CB1	Nam	26/06/2003	7.4	Khá		6.1	8.3	7.5	KHÁ
26	23	2232070269	Trần Bảo	Trường	C15CB1	Nam	26/10/2004	7.7	Khá		6.6	8.5	7.8	KHÁ
27	24	2232070204	Phan Minh	Tú	C15CB1	Nữ	11/05/2004	7.7	Khá		6.9	8.4	7.8	KHÁ
28	25	2232070203	Hoàng Anh	Tuấn	C15CB1	Nam	03/04/2004	7.2	Khá		6.7	8.3	7.5	KHÁ
29	26	2232070252	Phan Thị Như	Ý	C15CB1	Nữ	15/02/2004	7.8	Tốt		6.3	8.6	7.8	KHÁ
30	27	2232010117	Nguyễn Phước Tuấn	Anh	C15CB2	Nam	06/05/2001	8.5	Tốt		8.5	8.5	8.5	GIỎI
31	28	2232070201	Lê Võ	Chuân	C15CB2	Nam	04/10/2004	7.4	Tốt		6.6	8.3	7.6	KHÁ
32	29	2232070319	Hoàng Ngọc Khánh	Chương	C15CB2	Nam	10/09/2004	8.5	Tốt		8.6	8.5	8.5	GIỎI
33	30	2232070244	Lương Thị Quỳnh	Diễm	C15CB2	Nữ	24/10/2004	7.8	Tốt		8.2	8.4	8.1	GIỎI
34	31	2232070216	Hoàng Huy	Hoàng	C15CB2	Nam	19/10/2003	7.3	Khá		7.1	8	7.5	KHÁ
35	32	2232070237	Nguyễn Chí	Hùng	C15CB2	Nam	03/09/2004	7.3	Khá		7.7	8.1	7.6	KHÁ
36	33	2232070242	Nguyễn Văn	Huy	C15CB2	Nam	04/01/2004	7.6	Tốt		8.2	8.2	7.9	KHÁ
37	34	2232070210	Trần Văn	Khánh	C15CB2	Nam	20/03/2004	7.7	Tốt		7.8	7.9	7.8	KHÁ
38	35	2232070208	Nguyễn Nhật	Linh	C15CB2	Nữ	26/08/2003	7.6	Tốt		7.6	8.2	7.8	KHÁ
39	36	2232070240	Đỗ Thành	Long	C15CB2	Nam	19/01/2004	8.2	Tốt		8.6	8.4	8.3	GIỎI
40	37	2222070035	Bùi Thị Mỹ	Ly	C15CB2	Nữ	12/10/2004	7.4	Tốt		6.9	8.3	7.6	KHÁ

TT	STT	Mã HSSV	Họ và họ đệm	Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	TBCTK	Xếp loại rèn luyện TK	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp	
										Chính trị	LTTH	THNN	TB XLTN	Xếp loại TN
41	38	2232070213	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	C15CB2	Nữ	23/05/2003	7.4	Tốt		7	8.2	7.6	KHÁ
42	39	2232070221	Lê Minh	Phong	C15CB2	Nam	05/03/2004	7.8	Tốt		8.2	8.1	8	GIỎI
43	40	2232070206	Trương Thị	Phụng	C15CB2	Nữ	03/05/2004	7.6	Tốt		7	8.1	7.7	KHÁ
44	41	2232070236	Đặng Lê Anh	Quốc	C15CB2	Nam	12/12/2004	7.9	Tốt		6.8	8	7.8	KHÁ
45	42	2232070223	Nguyễn Văn	Rin	C15CB2	Nam	20/03/2004	7.4	Khá		7.1	8	7.6	KHÁ
46	43	2232070267	Thái Quang	Sỹ	C15CB2	Nam	28/10/2004	7.2	Khá		6.6	8.2	7.4	KHÁ
47	44	2232070284	Phan Văn Thanh	Tấn	C15CB2	Nam	11/10/2003	7.1	Tốt		6	8.2	7.3	KHÁ
48	45	2232070291	Võ Đức	Thạnh	C15CB2	Nam	20/07/2002	7.5	Khá		6.8	8.2	7.6	KHÁ
49	46	2232070226	Trần Quốc	Thịnh	C15CB2	Nam	27/06/2004	8.2	Tốt		8	8.2	8.2	GIỎI
50	47	2232070227	Phan Hải	Trung	C15CB2	Nam	29/04/2004	7.5	Tốt		7.5	8.2	7.7	KHÁ
<b>II. Khoa QTKSNH (31 sinh viên: 23 Giỏi, 08 Khá)</b>														
51	1	2232010116	Dương Hoàng Ngọc	Ánh	C15KS1	Nữ	20/02/2002	8.7	Xuất sắc		9.9	8.8	8.9	GIỎI
52	2	2232010118	Trần Lê Hạ	Đoan	C15KS1	Nữ	12/01/2002	8.2	Tốt		8.6	8.3	8.3	GIỎI
53	3	2232010180	Phan Hoàng Thùy	Dương	C15KS1	Nữ	03/03/2004	8.2	Tốt		8.6	8.8	8.5	GIỎI
54	4	2232020182	Nguyễn Thị Hương	Giang	C15KS1	Nữ	16/09/2001	8.6	Tốt		8.7	8.8	8.7	GIỎI
55	5	2232010124	Trần Công	Hòa	C15KS1	Nam	05/09/2004	8.2	Tốt		8.1	8.8	8.4	GIỎI
56	6	2232010165	Võ Thuý	Linh	C15KS1	Nữ	31/01/2004	7.6	Tốt		7.2	8	7.7	KHÁ
57	7	2232010183	Hồ Thị Tuyết	Như	C15KS1	Nữ	27/01/2004	8.3	Tốt		8.7	8.9	8.6	GIỎI
58	8	2232010210	Nguyễn Thị Thảo	Như	C15KS1	Nữ	09/12/2004	7.9	Tốt		7.7	8.6	8.1	GIỎI
59	9	2232010138	Nguyễn Lê	Sang	C15KS1	Nam	13/07/2003	7.5	Tốt		6.6	8.2	7.6	KHÁ
60	10	2232010142	Đặng Thị	Thương	C15KS1	Nữ	05/01/1999	8.4	Tốt		9.1	8.5	8.6	GIỎI
61	11	2232010123	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trâm	C15KS1	Nữ	15/10/2004	7.9	Tốt		7.1	8.2	7.9	KHÁ
62	12	2232010172	Đình Văn	Trung	C15KS1	Nam	01/10/2004	8	Tốt		9.2	8.6	8.4	GIỎI

TT	STT	Mã HSSV	Họ và họ đệm	Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	TBCTK	Xếp loại rèn luyện TK	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp	
										Chính trị	LTTT	THNN	TB XLTN	Xếp loại TN
63	13	2232010157	Phan Phước	Việt	C15KS1	Nam	02/12/2004	7.4	Tốt		9.5	8.5	8.1	GIỎI
64	14	2232010212	Nguyễn Thị Mỹ	Diệu	C15KS2	Nữ	22/10/2002	8.4	Tốt		9.1	8.8	8.7	GIỎI
65	15	2232010119	Đậu Thị Mỹ	Duyên	C15KS2	Nữ	16/11/2003	8.6	Xuất sắc		8.9	8.9	8.8	GIỎI
66	16	2232010186	Hồ Thị Thu	Hà	C15KS2	Nữ	14/09/2002	8.3	Tốt		9.5	8.9	8.7	GIỎI
67	17	2232010170	Hà Khánh	Huyền	C15KS2	Nữ	26/08/2004	7.9	Tốt		9	8.4	8.3	GIỎI
68	18	2232010148	Phan Thị Mỹ	Huyền	C15KS2	Nữ	28/02/2003	7.5	Tốt		7.1	8.8	7.9	KHÁ
69	19	2232010137	Hoàng Thị Quý	Mùi	C15KS2	Nữ	01/06/2003	8.1	Tốt		8.6	8.7	8.4	GIỎI
70	20	2232010200	Lê Thị Yến	Nhi	C15KS2	Nữ	08/11/2004	7.9	Tốt		7.7	8.8	8.2	GIỎI
71	21	2232010194	Nguyễn Thị Yến	Nhi	C15KS2	Nữ	25/07/2004	7.3	Tốt		5.9	8.5	7.5	KHÁ
72	22	2232010174	Lê Thị Nhật	Thảo	C15KS2	Nữ	31/12/2004	7.5	Tốt		6.8	8.3	7.7	KHÁ
73	23	2232010219	Đặng Thị Tú	Trinh	C15KS2	Nữ	06/07/2002	8.6	Tốt		9.2	8.8	8.8	GIỎI
74	24	2232060195	Phạm Xuân	Anh	C15NH	Nam	23/03/2002	8.6	Tốt		8.7	8.6	8.6	GIỎI
75	25	2232060186	Đặng Tiến	Dũng	C15NH	Nam	28/05/2004	8.1	Tốt		8.4	8.8	8.4	GIỎI
76	26	2232060193	Hoàng Thị Thanh	Hằng	C15NH	Nữ	26/04/2004	8.4	Xuất sắc		6.8	9.9	8.6	GIỎI
77	27	2232060188	Trần Thị Dương	Hằng	C15NH	Nữ	31/03/2004	7.8	Tốt		7.3	7.7	7.7	KHÁ
78	28	2232060187	Nguyễn Ngọc Thủy	Linh	C15NH	Nữ	20/07/2004	8.1	Tốt		7.1	8.5	8.1	GIỎI
79	29	2232060192	Trần Văn	Lợi	C15NH	Nam	14/12/2004	7.9	Tốt		7.9	9.1	8.3	GIỎI
80	30	2232060185	Đoàn Thị Thuý	Nguyên	C15NH	Nữ	04/08/2002	7.7	Tốt		7.2	9.3	8.2	GIỎI
81	31	2232060194	Nguyễn Thị Minh	Nhật	C15NH	Nữ	26/06/2004	7.5	Tốt		5.6	9	7.7	KHÁ
<b>III. Khoa QTLHHDDL (08 Giỏi, 08 Khá)</b>														
82	1	2231030089	Nguyễn Văn	Nhân	C15HD	Nam	17/01/2003	7.8	Tốt		7.1	6	7.1	KHÁ
83	2	2231030085	Trương Thị Bảo	Nhi	C15HD	Nam	14/05/2004	8.6	Tốt		9.3	8.1	8.6	GIỎI
84	3	2231030098	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	C15HD	Nữ	31/10/2004	7.6	Tốt		7.8	8.4	7.9	KHÁ

TT	STT	Mã HSSV	Họ và họ đệm	Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	TBCKT	Xếp loại rèn luyện TK	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp	
										Chính trị	LTTT	THNN	TB XLTN	Xếp loại TN
85	4	2231030084	Ngô Dương	Tuấn	C15HD	Nam	19/09/2003	7.5	Tốt		7.8	5.8	7	KHÁ
86	5	2231030090	Nguyễn Quỳnh Thiệu	Vi	C15HD	Nữ	01/12/2003	7.7	Tốt		8.2	7	7.6	KHÁ
87	6	2231040101	Bùi Thị Cẩm	Duyên	C15LH	Nữ	30/11/2004	7.6	Tốt		9.8	8.2	8.2	GIỎI
88	7	2231040102	Đặng Hồ Hương	Giang	C15LH	Nữ	07/07/2003	7.6	Tốt		6.9	7.9	7.6	KHÁ
89	8	2231030096	Lê Nguyễn Thanh	Hằng	C15LH	Nữ	14/06/2003	7.8	Tốt		8.2	9.3	8.4	GIỎI
90	9	2231040115	Phan Thiên	Nguyên	C15LH	Nam	01/06/2003	7.9	Tốt		8.2	8.8	8.3	GIỎI
91	10	2231040103	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	C15LH	Nữ	20/03/2001	7.6	Khá		8.5	9	8.2	GIỎI
92	11	2231040109	Văn Thị Mỹ	Ni	C15LH	Nữ	23/03/2004	7.5	Tốt		6.7	7.3	7.3	KHÁ
93	12	2231040105	Trần Thị Kiều	Oanh	C15LH	Nữ	25/05/2004	7.5	Tốt		7.8	8.1	7.8	KHÁ
94	13	2231040110	Hồ Thị Thu	Quyên	C15LH	Nữ	10/04/2004	8.5	Tốt		9	9.4	8.9	GIỎI
95	14	2231040104	Lê Thị Thanh	Tâm	C15LH	Nữ	10/02/2003	7.7	Tốt		8.4	8.7	8.2	GIỎI
96	15	2231040107	Ngô Thị Thùy	Trang	C15LH	Nữ	23/12/2004	8.2	Tốt		8.3	8	8.2	GIỎI
97	16	2232020077	Lê An Quốc	Tuấn	C15LH	Nam	38003	7.4	Tốt		6.5	8.2	7.5	KHÁ
<b>IV. Khoa Ngoại Ngữ (07 sinh viên: 04 Giỏi, 03 Khá)</b>														
98	1	2232030070	Nguyễn Quốc	Hùng	C15TA	Nam	15/07/2004	7.9	Tốt		7.4	7.9	7.8	KHÁ
99	2	2232030069	Hồ Ngọc Bảo	Huy	C15TA	Nam	02/09/2001	8.2	Tốt		8.8	9.1	8.6	GIỎI
100	3	2232030072	Trần Nhã	Linh	C15TA	Nữ	28/10/2003	8.5	Tốt		8.8	8.9	8.7	GIỎI
101	4	2232180073	Văn Thị Hoài	Linh	C15TA	Nữ	21/04/2004	8	Khá		7.6	8.9	8.2	GIỎI
102	5	2232180074	Văn Thị	Lựu	C15TA	Nữ	08/05/2004	7.9	Tốt		6.7	8	7.7	KHÁ
103	6	2222170010	Nguyễn Văn	Minh	C15TA	Nam	06/02/2003	7.6	Tốt		7.7	7.8	7.7	KHÁ
104	7	2232030061	Nguyễn Hữu	Nghĩa	C15TA	Nam	11/12/2002	8.4	Xuất sắc		8.1	8.6	8.4	GIỎI

**Danh sách có tổng cộng: 104 sinh viên.**